

Số: 33/2019/QĐST-HNGĐ

Yên Khánh, ngày 24 tháng 4 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý 53/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Duy G - Sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm Tân 1, xã Khánh L, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Chị Phạm Thị L - Sinh năm 1987.

Địa chỉ: Xóm Tân 1, xã Khánh L, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 55 và Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Duy G và chị Phạm Thị L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung (riêng): Giao cháu Nguyễn Duy M, sinh ngày 15 tháng 4 năm 2009 cho chị Phạm Thị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Duy G có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu M cho chị Phạm Thị L

hàng tháng với mức là 2.000.000 đồng kể từ tháng 4 năm 2019 cho tới khi cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh Nguyễn Duy G có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Anh Nguyễn Duy G và chị Phạm Thị L không có con riêng nên anh G, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày chị Phạm Thị L có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nguyễn Duy G không thi hành hết khoản tiền trên thì anh Nguyễn Duy G phải trả lãi đối với tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Anh Nguyễn Duy G và chị Phạm Thị L đều xác định anh, chị không có tài sản chung, tài sản riêng không có; về công nợ và đất nông nghiệp không có nên anh G và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh Nguyễn Duy G nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm và nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002007 ngày 01 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh L.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Nhật Trung